TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **24**/2018/DS - ST.
Ngày: 15/6/2018.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Ông Giáp Hà Tĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST – DS, ngày 10/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 2 – xã Đ - Tánh Linh - Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 3 – xã B - Tánh Linh - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Bích L, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 3 – xã B - Tánh Linh - Bình Thuận: Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 2 – xã Đ - Tánh Linh - Bình Thuận. Bà Đinh Thị L đã ủy quyền cho ông Trần Văn N theo giấy ủy quyền ngày 14/4/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - Ông Trần Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan - Bà Đinh Thị Lũy trình bày như sau:

Vào ngày 14/10/2015, ông Trần Văn N có cho bà Võ Thị Bích L vay số tiền 70.000.000đ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất; thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày vay. Mặc dù đã đến hạn thanh toán số tiền trên, thế nhưng bà L vẫn chưa trả cho ông N số tiền 70.000.000đ. Ông N xác định: Bà L vay số tiền 70.000.000đ, ông Đ không biết và L quan gì. Cho nên, ông N khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền 70.000.000đ cho vợ chồng ông N. Ông N yêu cầu bà L trả tiền lãi từ ngày 14/10/2015 (âm lịch) cho đến nay với mức lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định.

Ngoài ra, vào ngày 10/8/2015 bà L có chơi một chân hụi mở ngày 10/8/2015 (âm lịch) đến ngày 10/8/2017 mãn hụi với số tiền đóng hàng tháng là 5.000.000đ; 25 người tham gia chơi. Bà L là người hốt hụi đầu tiên. Cho nên, bà L phải có trách nhiệm đóng hụi chết từ tháng 9/2015 cho đến tháng 8/2017 với số tiền là 120.000.000đ. Sau đó, bà L đóng được 60.000.000đ trong thời hạn 12 tháng. Từ tháng 9/2016 cho đến khi mãn hụi bà L không đóng hụi chết cho ông N như theo thỏa thuận giữa hai bên. Số tiền hụi bà L còn nợ ông N là 60.000.000đ. Ông N cho rằng số tiền hốt hụi này bà L đem về mua cám cho vịt ăn và trả tiền nhân công cho nhà bà L. Khi tới tháng thu tiền hụi, ông N có đến nhà và gặp chồng bà L là ông Trần Văn Đ. Cho nên, ông Đ có biết việc bà L chơi hụi do ông N làm chủ. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà L phải trả cho vợ chồng ông N số tiền nợ hụi là 60.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 9/2017 cho đến nay theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn - Bà Võ Thị Bích L trình bày như sau:

Bà L xác định không vay ông N số tiền 70.000.000đ vào ngày 14/10/2015. Thế nhưng, bà L thừa nhận vào ngày 10/8/2015 bà L có tham gia chơi chân hụi do ông N làm chủ; có 25 người tham gia chơi; số tiền đóng hàng tháng là 5.000.000đ. Khi tham gia được 10 tháng thì bà L hốt chân hụi này, nhưng do làm ăn thua lỗ nên bà L không đóng hụi chết cho ông N. Cho nên, bà L còn nợ tiền hụi của ông N là 70.000.000đ. Bà L cho rằng khi tham gia chơi hụi ông Trần Văn Đ - chồng bà L không biết, nhưng số tiền hốt hụi này bà L sử dụng vào mục đích mua bán và cho bạn bè mượn.

Việc ông N khởi kiện yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả tổng số tiền 130.000.000đ, bà L không chấp nhận. Bà L chỉ chấp nhận trả cho ông N số tiền nợ hụi là 70.000.000đ. Mỗi tháng bà L sẽ trả 3.000.000đ cho đến khi trả xong số tiền này.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn - Ông Trần Văn Đ trình bày như sau:

Ông Đ cho rằng việc bà L chơi hụi hay vay tiền của ông N, ông Đ không biết gì. Việc bà L sử dụng số tiền vay và hốt hụi từ ông N vào mục đích gì thì ông Đ

cũng không biết. Cho nên, ông N khởi kiện yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho ông N thì ông Đ không chấp nhận.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Văn N đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau:

- 01 tờ giấy kẽ ô li (loại giấy vỡ học sinh) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, đề "Giấy mượn tiền", phía dưới có 01 chữ ký ghi tên Võ Thị Bích L.

- 01 tờ giấy kẽ ô li (loại giấy vỡ học sinh), 05 dòng trên cùng có chữ viết tay bằng mực màu xanh và có 01 chữ ký ghi tên Võ Thị Bích L nhưng đã bị gạch chéo; 07 dòng tiếp theo có chữ viết tay bằng mực màu xanh; phía dưới cùng có 01 chữ ký ghi tên Võ Thị Bích L.

- 01 giấy ủy quyền của bà Đinh Thị Lũy

Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Ông Trần Văn N và bà Võ Thị Bích L đều thừa nhận: Bà L có tham gia chơi 01 chân hụi trong tổ hụi 5.000.000đ/tháng do ông N làm chủ hụi; tổ hụi có 25 chân hụi, bắt đầu từ tháng 10/8/2015 đến ngày 10/8/2017 là mãng hụi.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Ông N cho rằng vào ngày 14/10/2015, bà Võ Thị Bích L có vay của ông N số tiền 70.000.000đ; còn bà L cho rằng bà L không có vay số tiền này, thực tế số tiền này là số tiền nợ hụi phát sinh trong tổ hụi nói trên.

- Ông N cho rằng bà L là người hốt hụi đầu tiên nên phải có trách nhiệm đóng tiền hụi chết là 120.000.000đ; bà L đã đóng được 60.000.000đ; còn nợ lại ông N là 60.000.000đ. Bà L không chấp nhận lời trình bày của ông N mà cho rằng: Khi tham gia chơi chân hụi này bà L đóng được 10 tháng thì hốt hụi. Số tiền nợ hụi còn lại là 70.000.000đ.

- Ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ phải trả số tiền nợ hụi là 60.000.000đ vì bà L hốt hụi để lấy tiền đầu tư vào làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ông Trần Văn Đ không chấp nhận trả số tiền này vì cho rằng bà L hốt hụi và sử dụng số tiền này vào mục đích gì thì ông Đ không biết.

[7]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị định về họ, hụi, biêu, phường số 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

- Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

Buộc bà Võ Thị Bích L phải trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy 70.000.000đ tiền vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ phải L đới trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy số tiền nợ hụi là 60.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chia theo phần bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ mỗi người phải trả 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ có trách nhiệm L đới nộp án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy 3.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ lần thứ hai nhưng bà L, ông Đ đều vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L, ông Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Ông Trần Văn N khởi kiện buộc bà Võ Thị Bích L phải trả số tiền nợ vay là 70.000.000đ và yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ phải có trách nhiệm trả số tiền nợ L quan đến chơi hụi là 60.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về*

hụi” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và các Điều 471, 479 BLDS năm 2005.

[3] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn - Ông Trần Văn N:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lời khai ngày 09/4/2018 (bút lục 18) bà Võ Thị Bích L xác định vào ngày 14/10/2015 bà L không vay số tiền nào của ông Trần Văn N. Cho nên, không đồng ý theo yêu cầu của ông N. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Trần Văn N cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền ngày 14/10/2015 (âm lịch) thể hiện bà L có vay ông N số tiền 70.000.000đ; thời hạn đến ngày 14/12/2015 (âm lịch); bà Võ Thị Bích L có ký xác nhận vào giấy mượn tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần đến nhà và thông báo hòa giải nhưng bà L đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành đối chất giữa các bên. Mặc dù, bà L không thừa nhận đã vay ông N số tiền 70.000.000đ vào ngày 14/10/2015; thế nhưng, bà L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó, ông N không chấp nhận lời khai của bà L đồng thời cung cấp một giấy mượn tiền do bà L ký nhận xác định có vay ông N số tiền 70.000.000đ. Tại phiên tòa, ông N chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền 70.000.000đ cho vợ chồng ông N, bà Lũy. Ông N không yêu cầu ông Trần Văn Đ (chồng bà L) có trách nhiệm trả số tiền này. Như vậy, do bà L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh yêu cầu của ông N là không có căn cứ; cho nên, yêu cầu của ông N về việc buộc bà L phải trả số tiền vay là 70.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 BLDS năm 2005.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn - Ông Trần Văn N:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn N cho rằng từ khi vay tiền (ngày 14/10/2015 âm lịch) cho đến nay, bà Võ Thị Bích L không trả tiền lãi cho ông N. Cho nên, ông N yêu cầu bà Võ Thị Bích L phải trả tiền lải phát sinh đối với số tiền vay 70.000.000đ tính từ ngày 14/10/2015 âm lịch (là ngày 25/11/2015 dương lịch) đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Ông N xác định từ khi vay tiền cho đến nay bà L chưa trả lãi cho ông N. Bà L không cung cấp được chứng cứ gì L quan đến việc trả tiền lãi cho ông N. Do đó, yêu cầu tính lãi của ông N đối với số tiền 70.000.000đ từ ngày 25/11/2015 cho đến nay là có căn cứ chấp nhận.

Do các đương sự không thỏa thuận lãi suất và ông N đề nghị áp dụng lãi suất Ngân hàng. Hội đồng xét xử, căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, của Ngân hàng nhà nước Việt Nam có hiệu lực ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương là 0,75%/tháng.

Như vậy, tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 70.000.000đ tính từ tháng 25/11/2015 đến ngày 15/06/2018 (30 tháng 20 ngày) được xác định là: 70.000.000đ x 30 tháng x 20 ngày x 0.75%/tháng = 16.100.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cần buộc bà Võ Thị Bích L phải trả cho ông N, bà Lũy số tiền là: 86.100.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 70.000.000đ; tiền lãi 16.100.000đ.

[5] Về yêu cầu trả nợ hụi của nguyên đơn - Ông Trần Văn N:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn N cung cấp chứng cứ thể hiện bà Võ Thị Bích L có hốt một chân hụi ngày 10/8/2015 (âm lịch). Ông N khai nhận: Do bà L là người hốt hụi đầu tiên trong chân hụi mở ngày 10/5/2015 (âm lịch) nên phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho đến khi mãn hụi là ngày 10/8/2017 (âm lịch) với số tiền là 120.000.000đ.

Tại biên bản lời khai ngày 09/4/2018 (bút lục 18) bà L thừa nhận vào ngày 10/8/2015 có tham gia chơi hụi do ông N làm chủ; số người tham gia chơi là 25 người; hàng tháng đóng số tiền 5.000.000đ. Bà L tham gia đóng hụi được 10 tháng thì hốt chân hụi này. Sau đó, bà L không đóng hụi chết hàng tháng 5.000.000đ cho ông N và thừa nhận còn nợ ông N tiền hụi là 70.000.000đ.

Mặc dù, bà L xác định còn nợ tiền hụi của ông N số tiền là 70.000.000đ; thế nhưng, ông N xác định bà L còn nợ hụi với số tiền là 60.000.000đ và yêu cầu bà L phải trả số tiền 60.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ hụi đối với chân hụi mở ngày 10/8/2015 (âm lịch) bà L còn nợ ông N là 60.000.000đ.

Ông Trần Văn N cho rằng: Số tiền hốt hụi này bà L sử dụng vào mục đích đầu tư vào làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Thời gian bà L tham gia chơi hụi, thỉnh thoảng ông N có đến nhà thu tiền hụi thì ông Đ có biết việc nay. Do đó, ông N yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi 60.000.000đ cho vợ chồng ông N, bà Lũy.

Tại biên bản lời khai ngày 03/4/2018 (bút lục 16) ông Trần Văn Đ xác định việc bà L vay tiền hay hốt hụi từ ông N và sử dụng số tiền này vào mục đích gì thì ông Đ không biết. Cho nên, ông Đ không đồng ý cùng bà L trả số tiền nợ hụi 60.000.000đ cho ông N.

Xét thấy: Mặc dù ông Đ cho rằng không biết gì L quan đến việc bà L chơi hụi và sử dụng số tiền này vào mục đíchg gì. Thế nhưng, tại biên bản lời khai ngày 09/4/2018 (bút lục 18) bà Võ Thị Bích xác định số tiền hốt hụi này bà L sử dụng vào mục đích buôn bán. Ngoài ra, khi ông N vào thu tiền hụi thì ông Đ có chứng kiến sự việc nay. Thời điểm bà L hốt hụi thì bà L và ông Đ có mối quan hệ vợ chồng với nhau nên ông Đ phải biết việc bà L có tham gia chơi và hốt hụi do ông N làm chủ. Do đó, yêu cầu của ông N về việc buộc bà L, ông Đ có trách nhiệm L đới phải cho vợ chồng ông N, bà Lũy số tiền nợ hụi là 60.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 479 BLDS năm 2005 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn - Ông Trần Văn N:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn N nguyên yêu cầu bà Võ Thị Bích L, ông Đ phải trả cho ông N, bà Lũy tiền lãi phát sinh trên số tiền hụi 60.000.000đ tính từ ngày 10/9/2017 âm lịch (là ngày 29/10/2017 dương lịch) đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Ông N xác định từ khi mãn hụi cho đến nay bà L, ông Đ chưa trả lãi cho ông N. Do đó, yêu cầu tính lãi của ông N từ ngày 29/10/2017 cho đến nay là có căn cứ chấp nhận.

Ông N đề nghị áp dụng lại suất ngân hàng. Căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, của Ngân hàng nhà nước Việt Nam có hiệu lực ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương là 0,75%/tháng.

Như vậy, tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 60.000.000đ tính từ tháng 29/10/2017 đến ngày 15/06/2018 (7 tháng 16 ngày) được xác định là: 60.000.000đ x 7 tháng x 16 ngày x 0.75%/tháng = 3.390.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cần buộc bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ phải trả cho ông N, bà Lũy số tiền nợ hụi là 63.390.000đ. Trong đó tiền hụi là 60.000.000đ; tiền lãi là: 3.390.000đ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn - ông Trần Văn N được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - Bà Võ Thị Bích L , ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

[6] Xét về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy: Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của ông Trần Văn N là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 357 BLDS năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với bà Võ Thị Bích L về việc trả tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 15/10/2015 (âm lịch):

Buộc bà Võ Thị Bích L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy tổng số tiền là 86.100.000đ(Tám mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng), trong đó gồm 70.000.000đ tiền vay và 16.100.000đ tiền lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

Về án phí: Bà Võ Thị Bích L phải nộp 4.305.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào:

- Điều 479 BLDS năm 2005.

- Điều 357 BLDS năm 2015.

- Nghị định 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ về việc trả tiền nợ hụi đối với chân hụi mở ngày 10/8/2015 (âm lịch):

Buộc bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy tổng số tiền là 63.390.000đ(Sáu mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó gồm 60.000.000đ tiền hụi và 3.390.000đ tiền lãi.

Chia phần:

Bà Võ Thị Bích L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy tổng số tiền là 31.695.000đ (Ba mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Lũy tổng số tiền là 31.695.000đ (Ba mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí*:*

Buộc bà Võ Thị Bích L, ông Trần Văn Đ phải L đới nộp 3.169.500đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000đ mà ông N đã nộp theo biên lai số N.0012497, ngày 26/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 15/6/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự ***(Đã giải thích quyền kháng cáo)***.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Yến